TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2026
V/v tranh chấp
Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

-*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Việt Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Vĩnh Hà
2. Bà Lê Thị Hồng Ánh

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tham gia phiên tòa*: Ông Bùi Tiến Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2026/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Hà Văn T**, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Khu B, xã M, tỉnh Phú Thọ (nay là Thôn K, xã M, tỉnh Phú Thọ).
- *Bị đơn:* Bà **Vì Thị H,** sinh năm 1980.
Địa chỉ Khu B, xã M, tỉnh Phú Thọ (nay là Thôn K, xã M, tỉnh Phú Thọ).

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 17/3/2026, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nguyên đơn ông Hà Văn T trình bày:

Ông và bà Vì Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 15/02/2011 tại UBND xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã M, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và lao động tự do tại khu B, xã M, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung; vợ chồng không hòa thuận, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Do mẫu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm ai. Nay ông T xác định tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn bà H để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung:* Ông Tiến trình B vợ chồng có 01 con chung là chị Hà Thị Đ – sinh ngày 01/11/2002, hiện chị Đ đã thành niên và lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Phía bị đơn bà Vì Thị H: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy báo triệu tập cho bà H đến Tòa án để làm việc theo quy định, bà H đã nhận được. Tuy nhiên, bà H vắng mặt không lý do và không đến Tòa án để làm việc. Toà án đã cấp tống đạt hợp lệ các văn bản, thủ tục tố tụng cho bà H theo quy định của pháp luật nhưng không được do bà H không có ở nhà và cũng không có người thân thích sống cùng. Tuy nhiên, bà H vẫn sinh sống tại địa phương nên Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại khu 2 (nay là thôn K), xã M là nơi bà H đăng ký hộ khẩu thường trú và tại trụ sở UBND xã M để bà H nắm được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H đến Tòa án để làm việc nhiều lần nhưng bà H không đến Tòa án để làm việc. Do đó, Toà án không lấy được ý kiến của bà H cũng như hoà giải về quan hệ hôn nhân.

3. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của ông T và bà H. Đại diện UBND xã M, tỉnh Phú Thọ cung cấp: Ông Hà Văn T và bà Vì Thị H tự nguyện kết hôn tại UBND xã N, huyện Y (nay là UBND xã M), tỉnh Phú Thọ vào ngày 15/02/2011. Qúa trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn chính dẫn đến việc ông T xin ly hôn bà H thì địa phương không nắm được. Hiện này ông T và bà H đang sống ly thân. Địa phương biết được hiện nay ông T hiện đang sinh sống và làm việc tại địa phương còn bà H thì đang làm việc ở xa nhưng vẫn về địa phương.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Phú Thọ phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn là ông T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Hà Văn T được ly hôn bà Vì Thị H.

[2] Về con chung: Ông Hà Văn T và bà Vì Thị H có 01 con chung là Hà Thị Đ – sinh ngày 01/11/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, đã lập gia đình không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Ông Hà Văn T không yêu cầu giải quyết, bà Vì Thị H không có quan điểm giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Hà Văn T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông T yêu cầu ly hôn bà H nên đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Vì Thị H có nơi cư trú tại xã M, tỉnh Phú Thọ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ là đúng quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyễn đơn, ông T có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Bị đơn bà H được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Văn T và bà Vì Thị H kết hôn ngày 15/02/2011 tại UBND xã N, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (nay là UBND xã M, tỉnh Phú Thọ). Hôn nhân giữa ông T và bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của ông T và việc xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H tại UBND xã M, tỉnh Phú Thọ có căn cứ xác định: Hôn nhân giữa ông T và bà H không hoà thuận hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2012, hiện vợ chồng đã sống ly thân,

không quan tâm đến nhau nữa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập bà H để bà H đến Toà án làm việc trình bày quan điểm ý kiến cũng như hòa giải quan hệ hôn nhân nhưng bà H đều vắng mặt, mặc dù bà H đã biết được Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa ông T với bà. Điều đó, thể hiện bà H không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, xử cho ông T được ly hôn bà H là phù hợp và đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung:* Quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày vợ chồng có 01 con chung là Hà Thị Đ – sinh ngày 01/11/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành, đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Quá trình giải quyết ông T không yêu cầu Toà án giải quyết, bà H không có quan điểm giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí:* Ông Hà Văn T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Hà Văn T được ly hôn bà Vì Thị H.

[2]. Về con chung: Ông Hà Văn T và bà Vì Thị H có 01 con chung là Hà Thị Đ – sinh ngày 01/11/2002. Hiện nay con chung đã trưởng thành và đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Ông Hà Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Hà Văn T vì người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí.

5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy

định của pháp luật để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 6 – Phú Thọ;
- UBND xã Minh Hòa, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Việt Dũng